

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
CÔNG TY CP PIN ẮC QUY MN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 246/PA-CBTT

TP.HCM, ngày 19 tháng 04 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

- Mã chứng khoán: PAC
- Địa chỉ trụ sở chính: 321 Trần Hưng Đạo, P.Cô Giang, Q.1, TP.HCM
- Điện thoại: 028.39203062 Fax: 028.39203060
- Email: duyhung@pinaco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Pin Ắc Quy Miền Nam công bố Báo cáo tài chính quý 1 năm 2024.

3. Báo cáo tài chính này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/04/2024 tại đường dẫn : www.pinaco.com.vn.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:
- BCTC Q1/2024

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



LÊ VĂN NĂM

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số 4103002690

ngày 23 tháng 9 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300405462 (điều chỉnh lần thứ 18) ngày 12 tháng 4 năm 2022. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hoàng

Chủ tịch

Ông Lê Văn Năm

Thành viên

Ông Nguyễn Văn Chung

Thành viên

Ông Nguyễn Quốc Việt

Thành viên

Ông Shigeru Ezure

Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Tạ Duy Linh

Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Phan Thị Hoàng Giang

Thành viên

Bà Vũ Thị Mai Nhung

Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Năm

Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Điền Phước Chân

Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật-Sản xuất

Ông Nguyễn Duy Hưng

Phó Tổng Giám Đốc Tài chính

Ông Nguyễn Hoàng Thành

Phó Tổng Giám Đốc-Kinh doanh

Trụ sở đăng ký

321 Trần Hưng Đạo

Phường Cô Giang, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.844.244.925.338	1.726.186.325.353
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	111.883.862.768	161.948.859.873
Tiền	111		111.883.862.768	161.948.859.873
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		505.000.000.000	505.870.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	505.000.000.000	505.870.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		429.474.573.067	298.207.985.116
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	337.785.252.093	226.235.961.600
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	49.583.181.619	37.367.915.388
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	43.295.659.131	35.793.437.090
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.189.519.776)	(1.189.519.776)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	190.814
Hàng tồn kho	140	10	663.131.320.043	643.252.164.220
Hàng tồn kho	141		666.841.564.973	646.962.409.150
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.710.244.930)	(3.710.244.930)
Tài sản ngắn hạn khác	150		134.755.169.460	116.907.316.144
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.848.900.551	4.820.706.142
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	19(b)	127.906.268.909	112.086.610.002

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2024 (tiếp theo)
Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2024 VND	01/01/2024 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		694.141.918.659	707.319.377.892
Các khoản phải thu dài hạn	210		6.485.811.506	5.332.346.253
Phải thu dài hạn khác	216		6.485.811.506	5.332.346.253
Tài sản cố định	220		314.961.566.822	332.029.868.951
Tài sản cố định hữu hình	221	11	260.886.910.287	274.686.605.679
Nguyên giá	222		1.246.635.455.883	1.240.959.152.322
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(985.748.545.596)	(966.272.546.643)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	12	46.055.905.486	49.628.150.449
Nguyên giá	225		63.796.826.442	66.298.132.171
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(17.740.920.956)	(16.669.981.722)
Tài sản cố định vô hình	227	13	8.018.751.049	7.715.112.823
Nguyên giá	228		39.680.029.434	39.176.827.529
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(31.661.278.385)	(31.461.714.706)
Tài sản dở dang dài hạn	240		92.068.999.778	87.038.607.873
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	92.068.999.778	87.038.607.873
Đầu tư tài chính dài hạn	250		32.500.000.000	32.500.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	32.500.000.000	32.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		248.125.540.553	250.418.554.815
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	207.197.048.165	209.297.352.549
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	3.430.945.794	3.430.945.794
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10	37.497.546.594	37.690.256.472
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.538.386.843.997	2.433.505.703.245

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2024 (tiếp theo)
Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2024 VND	01/01/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.589.322.776.378	1.489.037.435.221
Nợ ngắn hạn	310		1.569.350.842.804	1.467.423.205.920
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	219.489.721.488	212.941.446.259
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.659.610.190	12.145.154.517
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19(a)	7.018.888.996	8.215.049.025
Phải trả người lao động	314		64.171.085.553	94.504.823.120
Chi phí phải trả	315	20	83.955.865.158	25.941.408.583
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	5.787.118.633	4.453.639.129
Vay ngắn hạn	320	22(a)	1.151.944.315.715	1.071.746.855.052
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	10.128.016.370	10.128.016.370
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	23.196.220.701	27.346.813.865
Nợ dài hạn	330		19.971.933.574	21.614.229.301
Phải trả dài hạn khác	337		1.909.600.000	1.909.600.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22(b)	18.062.333.574	19.704.629.301
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		949.064.067.619	944.468.268.024
Vốn chủ sở hữu	410	25	949.064.067.619	944.468.268.024
Vốn cổ phần	411	26	464.717.070.000	464.717.070.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		464.717.070.000	464.717.070.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.584.699.224	1.584.699.224
Quỹ đầu tư phát triển	418		355.111.097.634	355.111.097.634
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		127.651.200.760	123.055.401.166
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		99.819.547.666	7.853.056.978
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		27.831.653.094	115.202.344.188
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.538.386.843.997	2.433.505.703.245

Ngày 19 tháng 04 năm 2024

Người lập:



Nguyễn Hữu Quân
Phó phòng Kế toán – Tài chính

Người duyệt:



Nguyễn Văn Diệp
Phụ trách Kế Toán – Tài chính

Lê Văn Năm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	TM	Kỳ quý một kết thúc ngày		Lũy kế từ đầu năm kết thúc ngày	
			31/03/2024 VND	31/03/2023 VND	31/03/2024 VND	31/03/2023 VND
Doanh thu bán hàng	01	29	939.004.550.405	927.109.056.582	939.004.550.405	927.109.056.582
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	143.788.268.113	85.389.806.309	143.788.268.113	85.389.806.309
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	29	795.216.282.292	841.719.250.273	795.216.282.292	841.719.250.273
Giá vốn hàng bán	11	30	695.479.750.647	727.450.945.535	695.479.750.647	727.450.945.535
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		99.736.531.645	114.268.304.738	99.736.531.645	114.268.304.738
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	12.172.077.295	14.106.232.727	12.172.077.295	14.106.232.727
Chi phí tài chính	22	32	14.581.561.373	19.927.367.505	14.581.561.373	19.927.367.505
<i>Trong đó:</i> <i>Chi phí lãi vay</i>	23		<i>11.575.070.999</i>	<i>16.200.151.448</i>	<i>11.575.070.999</i>	<i>16.200.151.448</i>
Chi phí bán hàng	25	33	41.640.128.809	58.539.190.643	41.640.128.809	58.539.190.643
Chi phí quản lý DN	26	34	15.279.349.136	14.693.080.541	15.279.349.136	14.693.080.541
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		40.407.569.622	35.214.898.776	40.407.569.622	35.214.898.776
Thu nhập khác	31		57.024.485	639.435	57.024.485	639.435
Chi phí khác	32		1.857.880	226.896	1.857.880	226.896
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		55.166.605	412.539	55.166.605	412.539
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		40.462.736.227	35.215.311.315	40.462.736.227	35.215.311.315
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	12.631.083.133	9.051.533.840	12.631.083.133	9.051.533.840
Lợi ích/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	36	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		27.831.653.094	26.163.777.475	27.831.653.094	26.163.777.475
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	539	507	539	507

Ngày 19 tháng 04 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Hữu Quân
Phó phòng Kế toán – Tài chính

Người duyệt:



Nguyễn Văn Diệp
Phụ trách Kế toán – Tài chính



Lê Văn Năm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)
Mẫu B 03 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	31/03/2024 VND	31/03/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	40.462.736.227	35.215.311.315
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	20.900.646.826	22.408.545.641
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(418.954.094)	(572.654.929)
Thu nhập từ tiền lãi	05	(11.185.037.458)	(8.417.214.655)
Chi phí lãi vay	06	11.575.070.999	16.200.151.448
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	61.334.462.500	64.834.138.820
Biến động các khoản phải thu	09	(141.618.782.309)	(211.061.173.065)
Biến động hàng tồn kho	10	(19.686.445.945)	175.744.906.234
Biến động các khoản phải trả	11	33.265.522.591	29.351.958.224
Biến động chi phí trả trước	12	1.041.490.074	2.630.395.425
Tiền lãi vay đã trả	14	(10.569.267.004)	(14.290.629.919)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(15.274.069.061)	(7.987.038.359)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.150.593.164)	(3.702.522.760)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	(95.657.682.318)	35.520.034.600
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(9.832.116.701)	(4.631.574.282)
Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(50.000.000.000)	(50.000.000.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	50.870.000.000	272.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	4.853.727.240	18.530.369.835
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(4.108.389.461)	235.898.795.553

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 (tiếp theo)
(Phương pháp gián tiếp)
Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	31/03/2024 VND	31/03/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	725.575.485.619	525.844.163.190
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(647.869.182.206)	(774.531.534.151)
Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	(6.666.980.472)	(2.735.417.967)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(23.235.853.500)	(46.471.707.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	47.803.469.441	(297.894.495.928)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(51.962.602.338)	(26.475.665.775)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	161.948.859.873	113.688.426.865
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	1.897.605.233	(922.480.944)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	111.883.862.768	86.290.280.146

Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	31/03/2024 VND	01/01/2024 VND
Mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác nhưng chưa thanh toán	15.853.858.116	10.103.488.235

Ngày 19 tháng 04 năm 2024

Người lập:



Nguyễn Hữu Quân
 Phó phòng Kế toán – Tài chính

Người duyệt:



Nguyễn Văn Diệp
 Phụ trách Kế toán – Tài chính

Lê Văn Năm
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của công ty được niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 69/UBCK-GPNY ngày 9 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước với mã cổ phiếu là PAC.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của công ty là sản xuất và phân phối pin và ắc quy.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 và ngày 31 tháng 03 năm 2024, công ty có 1 công ty liên kết như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm lợi ích kinh tế	
			31/03/2024	01/01/2024
Công ty TNHH đầu tư kinh doanh bất động sản Thịnh Phát	Kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.	68 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	26,0%	26,0%

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 và ngày 31 tháng 03 năm 2024, công ty có văn phòng chính tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; 2 chi nhánh tại Hà Nội và Đà Nẵng và 2 xí nghiệp sản xuất ắc quy và 1 xí nghiệp sản xuất pin tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Nai.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, công ty có 1.228 nhân viên (31/12/2023: 1.244 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính và các chính sách kế toán này nhất quán với các chính sách dùng lập báo cáo tài chính gần đây.

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà ban giám đốc của công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(ii) Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà khách hàng khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của công ty được trích lập theo quy định kế toán hiện hành. Theo đó, công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa và vật kiến trúc 5 – 25 năm
- máy móc và thiết bị 2 – 12 năm
- phương tiện vận tải 6 – 10 năm

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- thiết bị văn phòng 2 – 10 năm
- tài sản khác 4 – 8 năm

Tài sản cố định vô hình

(iii) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(iv) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(v) Tài sản khác

Nguyên giá của tài sản vô hình khác bao gồm giá mua của phí chuyển giao công nghệ và phí tư vấn quản trị nhân sự được vốn hóa và hạch toán là tài sản vô hình. Nguyên giá của tài sản vô hình khác được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Chi phí trả trước dài hạn

(vi) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(vii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí quảng cáo và các chi phí khác phát sinh nhằm phục vụ cho hoạt động bán hàng của công ty. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 1 đến 2 năm.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn là thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định được sử dụng cho sản xuất của doanh nghiệp. Trị giá của thiết bị, phụ tùng thay thế dài hạn khi xuất dùng được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả cho nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Chi phí bảo hành

Dự phòng về chi phí bảo hành của công ty liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về trung bình tỷ lệ số lượng sản phẩm bảo hành trên tổng số lượng sản phẩm bán ra qua các kỳ và chi phí bảo hành trung bình cho một/nhóm sản phẩm.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ báo cáo bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi kỳ theo quyết định của đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được dành riêng để chi trả tiền thưởng và các phúc lợi khác cho nhân viên Công ty.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi kỳ theo quyết định của đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Theo ý kiến của ban giám đốc, công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh pin và ắc quy.

Doanh thu và thu nhập khác

(viii) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh. Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ix) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu suy giảm giá trị tiềm ẩn.

Lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của công ty trong kỳ trước.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/03/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt	4.639.966.270	4.262.239.528
Tiền gửi ngân hàng	107.243.896.498	157.686.620.345
	<u>111.883.862.768</u>	<u>161.948.859.873</u>

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng nhưng dưới một năm tại ngân hàng và hưởng lãi suất dao động từ 4,30% đến 9,30% (2023: 6,20% đến 9,50%).

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/03/2024 VND	01/01/2024 VND
Mr. Cheese	22.570.917.271	20.346.905.790
Romisa Trading Enterprises	16.467.032.962	8.192.755.379
Công Ty TNHH Ác quy Vĩnh Phúc	10.393.194.240	7.849.128.960
Công Ty TNHH Thương mại Dịch vụ Dũng Phương	8.669.194.173	6.011.530.838
Công Ty TNHH Đầu tư Xuất nhập khẩu Toàn Phát	8.510.058.593	7.181.743.195
Công Ty TNHH An Tùng	8.402.554.961	2.980.976.868
Công Ty TNHH Thương mại Dịch vụ Bình Hiệp Phát	6.266.006.917	7.035.484.476
Công Ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Pin - Ác quy Thái Bình	5.722.846.145	4.420.804.389
Các khách hàng khác	250.783.446.831	162.216.631.706
	<u>337.785.252.093</u>	<u>226.235.961.600</u>

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/03/2024 VND	01/01/2024 VND
Better Technology Group Limited	12.906.497.467	5.942.565.156
Sorfin Yoshimura Tokyo, Ltd.	12.786.818.888	9.681.067.550
Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên	7.322.757.125	6.110.462.121
Công ty TNHH Hà Anh Lạng Sơn	2.989.360.000	-
Công Ty TNHH Cơ khí Xây dựng Hoàng Gia	1.696.337.836	1.390.752.000
Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam	1.483.080.000	495.720.000
Mitsui & Co (Asia Pacific) Pte.Ltd	1.237.916.160	1.214.403.840
Các nhà cung cấp khác	9.160.414.143	12.532.944.721
	<u>49.583.181.619</u>	<u>37.367.915.388</u>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/03/2023 VND	01/01/2024 VND
Phải thu lãi tiền gửi	37.144.205.478	30.812.895.506
Trả trước cho thuê tài chính	3.387.921.036	3.661.331.251
Tạm ứng cho nhân viên	2.614.300.589	1.285.342.792
Phải thu khác	149.232.028	33.867.541
	<hr/>	<hr/>
	43.295.659.131	35.793.437.090
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

9. Dự phòng phải thu khó đòi

Ngày 31 tháng 03 năm 2024	Quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
a. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:				
Faith Chemical Enterprises	Từ 6 tháng đến 1 năm	1.848.485.446	(554.545.634)	1.293.939.812
Công ty cổ phần Việt Nam Motors Cần Thơ	Trên 3 năm	114.952.000	(114.952.000)	-
Các khách hàng khác	Từ 6 tháng trở lên	409.345.773	(278.151.154)	131.194.619
		<hr/>	<hr/>	<hr/>
		2.372.783.219	(947.648.788)	1.425.134.431
b. Dự phòng phải thu khoản ứng trước				
Công ty TNHH Tín An		12.600.000	(12.600.000)	-
Emax Inc Co. Ltd.		95.061.680	(95.061.680)	-
Rocket Thai Co., Ltd.		134.209.308	(134.209.308)	-
		<hr/>	<hr/>	<hr/>
		241.870.988	(241.870.988)	-
		<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
		2.614.654.207	(1.189.519.776)	1.425.134.431
		<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 01 tháng 01 năm 2024	Quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
a. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:				
Faith Chemical Enterprise	Từ 6 tháng đến 1 năm	1.848.485.446	(554.545.634)	1.293.939.812
Công Ty Cổ Phần Viet Nam Motors Cần Thơ	Trên 3 năm	114.952.000	(114.952.000)	-
Khách hàng khác	Từ 6 tháng trở lên	409.345.773	(278.151.154)	131.194.619
		2.372.783.219	(947.648.788)	1.425.134.431
b. Dự phòng phải thu khoản ứng trước				
Công ty TNHH Tín An		12.600.000	(12.600.000)	-
Emax Inc Co. Ltd.		95.061.680	(95.061.680)	-
Rocket Thai Co., Ltd.		134.209.308	(134.209.308)	-
		241.870.988	(241.870.988)	-
		2.614.654.207	(1.189.519.776)	1.425.134.431

Biến động trong kỳ của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ quý một kết thúc ngày	
	31/03/2024 VND	31/03/2023 VND
Số dư đầu kỳ	1.189.519.776	1.385.348.860
Số trích lập/ hoàn nhập trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	1.189.519.776	1.385.348.860

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	31/03/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	226.223.574.677	-	73.644.365.818	-
Hàng mua đang đi đường	148.415.814.147	-	227.303.056.819	-
Công cụ và dụng cụ	6.904.348.303	-	8.504.070.966	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	152.573.422.203	-	148.916.680.298	-
Thành phẩm	132.721.994.912	(3.710.244.930)	188.591.824.518	(3.710.244.930)
Hàng hóa	2.410.731	-	2.410.731	-
Hàng tồn kho	666.841.564.973	(3.710.244.930)	646.962.409.150	(3.710.244.930)
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	37.497.546.594	-	37.690.256.472	-

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá của các tài sản trên như sau:

Hàng tồn kho

	31/03/2024 VND	31/03/2023 VND
Số dư đầu kỳ	3.710.244.930	2.438.073.116
Số trích lập/ hoàn nhập trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	3.710.244.930	2.438.073.116

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	211.864.270.602	970.055.344.396	40.081.269.522	14.110.948.192	4.847.319.610	1.240.959.152.322
Mua sắm trong kỳ	-	52.100.000	-	163.500.000	-	215.600.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	-	3.107.964.469	-	-	-	3.107.964.469
Chuyển từ TSCĐ hữu hình thuê tài chính (Thuyết minh 12)	-	2.501.305.729	-	-	-	2.501.305.729
Thanh lý	-	-	-	(148.566.637)	-	(148.566.637)
Số dư cuối kỳ	211.864.270.602	975.716.714.594	40.081.269.522	14.125.881.555	4.847.319.610	1.246.635.455.883
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	143.128.340.368	777.069.386.026	30.453.475.173	12.431.710.260	3.189.634.816	966.272.546.643
Khấu hao trong kỳ	2.727.223.864	15.013.299.167	633.335.747	162.259.569	113.012.283	18.649.130.630
Chuyển từ TSCĐ HH thuê tài chính (Thuyết minh 12)	-	981.013.283	-	-	-	981.013.283
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 16)	-	(5.578.323)	-	-	-	(5.578.323)
Thanh lý	-	-	-	(148.566.637)	-	(148.566.637)
Số dư cuối kỳ	145.855.564.232	793.058.120.153	31.086.810.920	12.445.403.192	3.302.647.099	985.748.545.596
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	68.735.930.234	192.985.958.370	9.627.794.349	1.679.237.932	1.657.684.794	274.686.605.679
Số dư cuối kỳ	66.008.706.370	182.658.594.441	8.994.458.602	1.680.478.363	1.544.672.511	260.886.910.287

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 588.282 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 03 năm 2024 (01/01/2024: 570.969 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 19.930 triệu VND (01/01/2024: 21.119 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 22).

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	66.298.132.171	-	66.298.132.171
Mua sắm trong kỳ	-	-	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 11)	(2.501.305.729)		(2.501.305.729)
Số dư cuối kỳ	63.796.826.442		63.796.826.442
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	16.669.981.722	-	16.669.981.722
Khấu hao trong kỳ	2.051.952.517	-	2.051.952.517
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 11)	(981.013.283)	-	(981.013.283)
Số dư cuối kỳ	17.740.920.956		17.740.920.956
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	49.628.150.449	-	49.628.150.449
Số dư cuối kỳ	46.055.905.486	-	46.055.905.486

Công ty thuê một số thiết bị sản xuất theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, công ty có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (Thuyết minh 22).

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	23.114.143.021	10.843.905.852	5.218.778.656	39.176.827.529
Chuyển từ XDCB DD	-	503.201.905	-	503.201.905
Số dư cuối kỳ	23.114.143.021	11.347.107.757	5.218.778.656	39.680.029.434
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	15.979.774.662	10.263.161.388	5.218.778.656	31.461.714.706
Khấu hao trong kỳ	94.381.163	105.182.516	-	199.563.679
Số dư cuối kỳ	16.074.155.825	10.368.343.904	5.218.778.656	31.661.278.385
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	7.134.368.359	580.744.464	-	7.715.112.823
Số dư cuối kỳ	7.039.987.196	978.763.853	-	8.018.751.049

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 15.235 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 03 năm 2024 (01/01/2024: 15.235 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	31/03/2024 VND	31/03/2023 VND
Số dư đầu kỳ	87.038.607.873	85.392.592.894
Mua sắm trong kỳ	9.616.516.701	4.631.574.282
Chuyển sang tài sản cố định (Thuyết minh 11,13)	(3.611.166.374)	-
Chuyển sang chi phí trả trước	(974.958.422)	(1.472.886.852)
Số dư cuối kỳ	92.068.999.778	88.551.280.324

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/03/2024	01/01/2024
	VND	VND
Máy móc và thiết bị	90.125.159.148	85.457.942.043
Công trình xây dựng	1.943.840.630	1.580.665.830
	<hr/>	<hr/>
	92.068.999.778	87.038.607.873

15. Đầu tư vào công ty liên kết

	31/03/2024		01/01/2024	
	% vốn chủ sở hữu	Giá gốc VND	% vốn chủ sở hữu	Giá gốc VND
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát	26,0%	32.500.000.000	26,0%	32.500.000.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư góp vốn và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	3.039.482.176	206.257.870.373	209.297.352.549
Mua sắm trong kỳ	285.177.676	1.574.009.751	1.859.187.427
Phân bổ trong kỳ	(562.624.992)	(3.396.866.819)	(3.959.491.811)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	2.762.034.860	204.435.013.305	207.197.048.165

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Thuế suất	31/03/2024 VND	01/01/2024 VND
Dự phòng bảo hành	20%	2.025.603.274	2.025.603.274
Chi phí phải trả	20%	663.293.534	663.293.534
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20%	742.048.986	742.048.986
Chênh lệch tỷ giá	20%	-	-
		3.430.945.794	3.430.945.794

18. Phải trả người bán ngắn hạn**Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	31/03/2024 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND	01/01/2024 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND
Trafigura Pte Ltd	93.215.952.216	45.156.854.965
Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam	13.938.465.229	13.740.209.748
Jayachandran Alloys PVT Ltd	13.053.665.782	-
Thai United Industry CO.,Ltd.	11.282.414.086	14.487.055.843
Công ty TNHH Luyện kim Thăng Long	7.170.179.358	1.741.229.094
Baoding Golden Sunlight Power	6.435.642.950	6.293.888.700
Các nhà cung cấp khác	74.393.401.867	131.522.207.909
	219.489.721.488	212.941.446.259

Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan

	31/03/2024 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND	01/01/2024 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	827.737.900	590.388.700
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	439.633.440	937.293.120
Công ty Cổ phần Hơi kỹ Nghệ Que Hàn	14.342.400	13.910.400
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	38.500.000	38.500.000

Các khoản phải trả cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 45 ngày kể từ ngày hóa đơn.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế, các khoản phải nộp Nhà nước và thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2024 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số cần trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	31/03/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	167.339.826.674	(125.658.457.487)	(40.155.362.234)	1.526.006.953
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.526.976.017	12.631.083.132	-	(15.274.069.061)	7.883.990.088
Thuế thu nhập cá nhân	(807.285.757)	2.930.080.272	-	(3.815.124.801)	(1.692.330.286)
Phí thuế đất và các loại thuế khác	(1.504.641.235)	2.032.328.156	-	(1.225.624.680)	(698.777.759)
	8.215.049.025	184.933.318.234	(125.658.457.487)	(60.470.180.776)	7.018.888.996

(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	01/01/2024 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số cần trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	31/03/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	112.086.610.002	141.478.116.394	(125.658.457.487)	-	127.906.268.909

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

20. Chi phí phải trả

	31/03/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí bán hàng	69.750.282.069	10.397.805.834
Chi phí bảo hiểm, BHLĐ, nghỉ mát	6.991.884.666	9.447.925.240
Chi phí vận chuyển	2.528.325.398	2.318.519.338
Chi phí lãi vay	1.005.803.995	1.394.291.954
Các khoản chi phí phải trả khác	3.679.569.030	2.382.866.217
	<hr/>	<hr/>
	83.955.865.158	25.941.408.583
	<hr/>	<hr/>

21. Phải trả ngắn hạn khác

	31/03/2024 VND	01/01/2024 VND
Tạm ứng dự án	3.000.000.000	3.000.000.000
Kinh phí công đoàn và bảo hiểm xã hội	529.065.630	369.286.380
Cổ tức	25.586.926	24.196.783
Các khoản phải trả khác	2.232.466.077	1.060.155.966
	<hr/>	<hr/>
	5.787.118.633	4.453.639.129
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay ngắn hạn

	01/01/2024		31/03/2024		
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay bên thứ ba	32.500.000.000	32.500.000.000	-	32.500.000.000	32.500.000.000
Vay ngân hàng	1.014.877.656.333	1.014.877.656.333	848.861.523	1.100.099.801.741	1.100.099.801.741
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 22(b))	24.369.198.719	24.369.198.719	-	19.344.513.974	19.344.513.974
	1.071.746.855.052	1.071.746.855.052	848.861.523	1.151.944.315.715	1.151.944.315.715

Vay bên thứ ba thể hiện khoản vay ngắn hạn, không đảm bảo và không chịu lãi suất từ Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc Việt với mục đích góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngân hàng ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất		31/03/2024	01/01/2023
		2024	2023		
<i>Vay ngân hàng không có đảm bảo</i>					
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VND	3,30%-4,50%	3,50%-6,00%	479.445.340.620	602.718.281.975
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	USD	3,50%	4,00%	18.916.710.175	54.345.394.983
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	2,90%-4,00%	3,50%-4,50%	226.187.021.743	84.466.231.999
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	VND	-	6,00%	-	44.825.244.422
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	USD	3,50%-3,80%	-	128.774.870.471	-
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	3,78%-4,00%	2,00%-4,00%	85.816.018.398	75.929.104.950
Ngân hàng Siam Bank Việt Nam	VND	3,78%-3,95%	4,30%-5,50%	69.353.243.774	102.838.306.984
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	VND	3,50%	3,50%	26.842.731.142	26.842.731.142
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	USD	3,10%-3,30%	-	64.763.865.418	-
Ngân hàng Malaysian Banking Berhad	VND	-	-	-	8.032.355
Ngân hàng Malaysian Banking Berhad	USD	-	3,60%-3,90%	-	22.904.327.523
				1.100.099.801.741	1.014.877.656.333

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

Vay và nợ thuế tài chính dài hạn
 Vay và nợ thuế tài chính đến hạn trả (Thuyết minh 22(a))

Vay và nợ thuế tài chính đến hạn trả

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Lãi suất		Loại tiền	31/03/2024		01/01/2024	
	2024	2023		VND	VND	VND	VND
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (i)	7,40%	7,4%	VND	11.505.000.000	7,4%	15.505.000.000	
Công ty TNHH mtv cho thuê tài chính Vietcombank (ii)	7,20%-8,20%	7,40%-9,40%	VND	25.901.847.548	7,40%-9,40%	28.568.828.020	
				37.406.847.548		44.073.828.020	

(i) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 19.930 triệu VND (01/01/2024: 21.119 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 22a). Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, chi phí trả trước dài hạn với giá trị còn lại là 15.577 triệu VND (01/01/2024: 15.712 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 22a).

(ii) Các khoản nợ thuế tài chính từ Công ty TNHH mtv cho thuê tài chính Vietcombank không có đảm bảo. Nợ gốc và lãi sẽ được thanh toán theo chu kỳ hàng tháng theo lịch trả nợ. Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	31/03/2024		01/01/2024	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND
Trong vòng một năm	9.378.709.406	1.539.195.432	10.871.433.942	2.007.235.223
Trong vòng hai đến năm năm	21.657.675.535	3.595.341.961	22.320.339.303	2.615.710.002
	31.036.384.941	5.134.537.393	33.191.773.245	4.622.945.225
				Nợ gốc VND
				8.864.198.719
				19.704.629.301

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***23. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Biến động của khoản dự phòng bảo hành trong kỳ như sau:

	31/03/2024	31/03/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	10.128.016.370	9.220.293.701
Số tăng/giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>10.128.016.370</u>	<u>9.220.293.701</u>

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	31/03/2024	31/03/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	27.346.813.865	25.385.982.007
Số trích lập trong kỳ	-	-
Số sử dụng trong kỳ	(4.150.593.164)	(3.702.522.760)
Số dư cuối kỳ	<u>23.196.220.701</u>	<u>21.683.459.247</u>

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	464.717.070.000	1.584.699.224	311.688.100.054	145.069.963.985	923.059.833.263
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	115.202.344.188	115.202.344.188
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	43.422.997.580	(43.422.997.580)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(14.792.007.527)	(14.792.007.527)
Cổ tức bằng tiền	-	-	-	(79.001.901.900)	(79.001.901.900)
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	464.717.070.000	1.584.699.224	355.111.097.634	123.055.401.166	944.468.268.024
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	27.831.653.094	27.831.653.094
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-
Cổ tức bằng tiền (*)	-	-	-	(23.235.853.500)	(23.235.853.500)
Số dư tại ngày 31 tháng 03 năm 2024	464.717.070.000	1.584.699.224	355.111.097.634	127.651.200.761	949.064.067.619

(*): Trong quý 1-2024, công ty đã tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023 với tỷ lệ là 5% .

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***26. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/03/2024		01/01/2024	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Tại ngày báo cáo, danh sách cổ đông lớn của Công ty như sau:

	31/03/2024		01/01/2024	
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	23.898.273	51,43%	23.898.273	51,43%
The Furukawa Battery Co Ltd.,	4.899.708	10,54%	4.899.708	10,54%
Quỹ Đầu Tư Cơ Hội PVI (POF)	5.932.382	12,77%	-	-
Công đoàn Cty CP PinẮc quy Miền Nam	2.221.034	4,78%	2.236.534	4,81%
Các cổ đông khác	9.520.310	20,49%	15.437.192	33,22%
	46.471.707	100,00%	46.471.707	100,00%

27. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	31/03/2024	01/01/2024
	VND	VND
Trong vòng một năm	4.630.953.693	4.423.565.652
Trong vòng hai đến năm năm	5.791.164.339	7.363.606.819
	<hr/>	<hr/>
	10.422.118.032	11.787.172.471
	<hr/>	<hr/>

Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/03/2024	01/01/2024
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	19.299.259.562	20.695.129.201
	<hr/>	<hr/>

Ngoại tệ các loại

	31/03/2024		01/01/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.141.226,16	28.108.400.322	1.621.790,30	39.052.710.424
EUR	245,96	6.464.532	248,52	6.553.510
		<hr/>		<hr/>
		28.114.864.854		39.059.263.934
		<hr/>		<hr/>

28. Báo cáo bộ phận

Công ty lựa chọn khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và lợi ích kinh tế của Công ty tương đối khác biệt theo từng khu vực địa lý.

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam (“Trong nước”) hay ở các nước khác ngoài Việt Nam (“Xuất khẩu”). Công ty không lập báo cáo bộ phận cho các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kết toán do tài sản cố định được sử dụng chung để sản xuất hàng xuất khẩu và bán trong nước và không đủ cơ sở để chia tách.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Doanh thu thuần dựa vào vị trí địa lý của Công ty như sau:	Kỳ quý một kết thúc ngày	
	31/03/2024	31/03/2023
	VND	VND
Trong nước	580.813.466.854	626.875.500.749
Xuất khẩu	214.402.815.438	214.843.749.524
	<hr/>	<hr/>
	795.216.282.292	841.719.250.273
	<hr/>	<hr/>

29. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:	Kỳ quý một kết thúc ngày	
	31/03/2024	31/03/2023
	VND	VND
Tổng doanh thu	939.004.550.405	927.109.056.582
	<hr/>	<hr/>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	143.788.268.113	85.389.806.309
▪ Hàng bán bị trả lại	-	-
	<hr/>	<hr/>
	143.788.268.113	85.389.806.309
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	795.216.282.292	841.719.250.273
	<hr/>	<hr/>

30. Giá vốn hàng bán

	Kỳ quý một kết thúc ngày	
	31/03/2024	31/03/2023
	VND	VND
Pin và ắc quy đã bán	695.479.750.647	693.360.131.159
Khuyến mãi có điều kiện	-	34.090.814.376
	<hr/>	<hr/>
	695.479.750.647	727.450.945.535
	<hr/>	<hr/>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***31. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ quý một kết thúc ngày	
	31/03/2024	31/03/2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi	11.185.037.458	8.417.214.655
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.119.835.705	5.689.018.072
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(1.132.795.868)	-
	12.172.077.295	14.106.232.727

32. Chi phí tài chính

	Kỳ quý một kết thúc ngày	
	31/03/2024	31/03/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	11.575.070.999	16.200.151.448
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.006.490.374	5.760.950.713
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	(2.033.765.776)
Chiết khấu thanh toán	-	31.120
	14.581.561.373	19.927.367.505

33. Chi phí bán hàng

	Kỳ quý một kết thúc ngày	
	31/03/2024	31/03/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	11.912.834.988	11.264.668.415
Chi phí khấu hao và phân bổ	226.111.776	505.295.832
Chi phí bảo hành	5.269.446.597	3.828.299.982
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	8.526.169.048	20.287.628.637
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.137.075.682	11.578.910.540
Chi phí bán hàng khác	12.568.490.718	11.074.387.237
	41.640.128.809	58.539.190.643

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***34. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ quý một kết thúc ngày	
	31/03/2024	31/03/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	8.331.468.105	7.208.346.625
Chi phí đồ dùng văn phòng	49.227.088	338.825.812
Chi phí khấu hao và phân bổ	182.040.722	172.066.725
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.708.365.604	2.747.894.045
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.008.247.167	4.225.947.334
	<hr/>	<hr/>
	15.279.349.136	14.693.080.541
	<hr/>	<hr/>

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ quý một kết thúc ngày	
	31/03/2024	31/03/2023
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	530.650.307.685	471.143.883.628
Chi phí nhân công và nhân viên	71.286.552.400	67.776.936.495
Chi phí khấu hao và phân bổ	20.900.646.826	22.408.545.641
Chi phí sản xuất và kinh doanh khác	77.365.904.574	89.792.684.467
	<hr/>	<hr/>
	700.203.411.525	651.122.050.231
	<hr/>	<hr/>

36. Thuế thu nhập

Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Kỳ quý một kết thúc ngày	
	31/03/2024	31/03/2023
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	8.127.390.372	7.060.763.023
Dự phòng thiếu trong các năm trước	4.503.692.760	1.990.770.817
	<hr/>	<hr/>
	12.631.083.133	9.051.533.840
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	-	-
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập	12.631.083.133	9.051.533.840
	<hr/>	<hr/>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Đối chiếu thuế suất thực tế	Kỳ quý một kết thúc ngày	
	31/03/2024	31/03/2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	40.462.736.227	35.215.311.315
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	8.092.547.245	7.043.062.263
Chi phí không được khấu trừ thuế	34.843.128	17.700.760
Dự phòng thiếu trong các năm trước	4.503.692.760	1.990.770.817
	12.631.083.133	9.051.533.840

Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản Luật thuế thu nhập Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024, dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	Kỳ quý một kết thúc ngày	
	31/03/2024	31/03/2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ (VND)	27.831.653.094	26.163.777.475
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) (VND)	(2.783.165.309)	(2.616.377.748)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	25.048.487.785	23.547.399.7282
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	46.471.707	46.471.707
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	539	507

(*) Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024 được tạm tính theo tỉ lệ 10% lợi nhuận sau thuế.

Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong kỳ Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Kỳ quý một kết thúc ngày	
	31/03/2024	31/03/2023
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn hóa chất Việt Nam		
Cổ tức được chia	11.949.136.500	23.898.273.000
Cổ đông lớn		
<i>Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (POF)</i>		
Cổ tức được chia	-	9.880.000.000
<i>The Furukawa Battery Co Ltd.,</i>		
Phí bản quyền	658.383.646	639.592.573
Cổ tức được chia	2.449.854.000	4.899.708.000
Công ty liên quan		
<i>Công ty cổ phần hóa chất cơ bản Miền Nam</i>		
Mua hàng hóa	1.110.319.380	376.807.200
<i>Công ty cổ phần phân bón Miền Nam</i>		
Mua hàng hóa	1.547.047.700	1.971.521.200
<i>Công ty cổ phần hơi kỹ nghệ Que Hàn</i>		
Mua hàng hóa	73.251.000	76.274.000
<i>Trung Tâm Thông Tin Khoa Học Kỹ Thuật Hóa Chất</i>		
Mua hàng hóa	52.800.000	-
39. Tiền lương, thù lao và phụ cấp		
	Kỳ quý một kết thúc ngày	
	31/03/2024	31/03/2023
	VND	VND
Thù lao Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao và phụ cấp</i>		
Lê Hoàng	60.000.000	60.000.000
Lê Văn Năm	18.000.000	18.000.000
Nguyễn Văn Chung	39.900.000	39.900.000
Nguyễn Quốc Việt	39.900.000	39.900.000
Ban kiểm soát		
<i>Thù lao và phụ cấp</i>		
Phan Thị Hoàng Giang	19.500.000	20.400.000
Vũ Thị Mai Nhung	19.500.000	20.400.000
<i>Lương và phụ cấp</i>		
Tạ Duy Linh	194.770.232	170.982.760
Ban Giám đốc		
<i>Lương, thưởng và phụ cấp</i>		
Tổng Giám đốc	218.310.000	187.200.000
Các thành viên Ban Giám đốc khác.	313.800.000	221.700.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

40. Số liệu so sánh

Trừ các trường hợp được thuyết minh khác, thông tin so sánh tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 19 tháng 04 năm 2024

Người lập:



Nguyễn Hữu Quân
Phó phòng Kế toán – Tài chính

Người duyệt:



Nguyễn Văn Diệp
Phụ trách Kế toán - Tài chính

Lê Văn Năm
Tổng Giám đốc